TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:74/2025/DS-ST
Ngày 29-4-2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Loan.

Bà Lê Thị **B.**

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 411/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH S
Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 N, Phường Võ Thị S, Quận B, Thành Phố H.
Đại diện theo theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D
Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng C
Chức vụ: Giám Đốc NH S – Chi Nhánh Tiền Giang.
(Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám Đốc NH S).
Địa chỉ: Số 06, Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền lại: Võ Mỹ Ph. Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro – Chi nhánh Tiền Giang (có mặt).
Bị đơn: Ông PHẠM VĂN **B**, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà M, đường N, Phường B (nay là phường M), TpM , Tiền Giang.
Địa chỉ thường trú: Số M, Ph, ấp M, Đ, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn NH S có đại diện theo ủy quyền là Võ Mỹ Ph trình bày:

Ngày 07/11/2018, ông Phạm Văn **B** có ký kết với NH S - Chi Nhánh Tiền Giang, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của ông Phạm Văn **B**, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông Phạm Văn **B**, thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (ngày 22/04/2024), ông Phạm Văn **B** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 208.408.998 đồng, tiền lãi là 10.464.714 đồng, tiền phí là 4.428.520 đồng. Tính đến ngày 22/04/2024 ông Phạm Văn **B** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 206.258.000 đồng, trong đó: thanh toán vốn là 192.932.499 đồng, thanh toán lãi là 13.325.501 đồng, kể từ đó đến nay, ông Phạm Văn **B** ngưng không thanh toán cho ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho ông Phạm Văn **B** thanh toán khoản vay tín dụng nhưng ông Phạm Văn **B** vẫn không thực hiện trả nợ.

Do ông Phạm Văn **B** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/04/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 13 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn (ngày 22/04/2024), tiền lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển là 14.453.662 đồng.

Đến ngày 25/07/2024, ông Phạm Văn **B** còn nợ NH S, các khoản sau:

Dư nợ quá hạn: 14,453,662 đồng.

Lãi quá hạn: 1,878,963 đồng.

Tổng cộng: 16,332,625 đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Yêu cầu: Buộc Ông Phạm Văn **B** phải trả ngay cho NH S, số tiền tạm tính đến 28/10/2024 là 18.231.583 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi ba đồng); trong đó: dư nợ quá hạn là 14.453.662 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.777.921 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau ngày 28/10/2024 nếu Ông Phạm Văn **B** chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn Phạm Văn **B:* Không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là Võ Thị Mỹ Ph yêu cầu ông Phạm Văn **B** phải trả cho NH S số tiền tính đến ngày 29/4/2025 là 21.889.570 đồng. Sau ngày xét xử nếu ông Bảy chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi, phí theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án

cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng triệu tập của Tòa án theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NH S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: NH S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn **B** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền dư nợ và tiền lãi theo hợp đồng thẻ tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án có quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn Phạm Văn **B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3361377918 ngày 07/11/2018 được ký kết giữa NH S chi nhánh Tiền Giang với ông Phạm Văn **B.** Căn cứ vào các tóm tắt sao kê của NH S chi nhánh Tiền Giang, bộ điều khoản và điền kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Thể hiện, ông Bảy được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng phía ông Bảy đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 22/4/2024 với số tiền là 208.408.998 đồng, tiền lãi là 10.464.714 đồng, tiền phí là 4.428.520 đồng. Tính đến ngày 22/4/2024, đã thanh toán được 206,258,000 đồng, trong đó: thanh toán vốn là 192.932.499 đồng, thanh toán lãi, phí là 13.325.501 đồng, thì ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Do ông Bảy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 22/4/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu qua nợ quá hạn.

[2.1] Xét thấy, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân số 3361377918 ngày 07/11/2018 có đầy đủ chữ ký và viết họ tên của ông Phạm Văn **B**. Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng là tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Bảy, trong các thông báo của Tòa án nói rõ yêu cầu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nhưng từ khi thụ lý đến khi xét xử, ông Bảy không có ý kiến phản đối nào đối với chữ ký của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của NH S. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

[2.2] Xét thấy, căn cứ vào Điều 117 và 401 của Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng trên có hiệu lực từ ngày ký kết và những thỏa thuận trong Hợp đồng kèm theo Bản Điều khoản và điều kiện có giá trị ràng buộc các bên khi tham gia giao dịch. Căn cứ vào bản Tóm tắt sao kê quá trình giao dịch, bị đơn Phạm Văn **B** đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền 208.408.998 đồng nên Ngân hàng đã tính các khoản phí theo quy định cùng tiền lãi là phù hợp với quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Đồng thời, do bị đơn đã không thực hiện việc thanh toán theo đúng hạn 03 kỳ liên tiếp nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông Bảy và đến ngày 22/4/2024 chuyển toàn bộ dư nợ 14.453.662 đồng sang nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm với số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 7.435.908 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 20, 22, 23, 25, 26 của Bản Điều khoản và điều kiện và quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử là 21.889.570 đồng, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập chứng cứ là 500.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng, và có yêu cầu xem xét theo qui định. Căn cứ Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Phạm Văn **B** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Phạm Văn **B** có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 189, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật Các tổ chức Tín dụng;

Các Điều 117 và 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH S.

Buộc ông Phạm Văn **B** phải trả cho NH S số dư nợ đến ngày 29/4/2025 là 21.889.570 đồng (dư nợ gốc 14.453.662 đồng, lãi quá hạn là 7.453.908 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn **B** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân cùng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Phạm Văn **B**.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn **B** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn NH S số tiền 500.000 đồng chi phí tố tụng.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn **B** phải chịu 1.094.478 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại NH S số tiền 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006739 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn NH S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn **B** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Sắc Ly